



Hồ Chí Minh - Biểu tượng nền độc lập của dân tộc Việt Nam

NGÔ THỊ PHƯƠNG THẢO*

Độc lập cho dân tộc, tự do hạnh phúc cho nhân dân cũng là mục tiêu bất biến chi phối tư duy và hành động chính trị của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong giai đoạn hiện nay, trước tình hình mới của đất nước và thế giới đã và đang đặt ra cho nước ta nhiều cơ hội và thách thức, giữ vững nền độc lập dân tộc, bảo vệ vững chắc Tổ quốc trong bối cảnh mới có ý nghĩa thời sự hơn bao giờ hết. Độc lập dân tộc chính là cơ sở để Đảng ta thực hiện thắng lợi mục tiêu: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, nước ta bị thực dân Pháp xâm lược, trước một kẻ thù hùng mạnh, có nhiều phương tiện khoa học, kỹ thuật hiện đại vào hàng nhất nhì thế giới ở thời điểm đó, trong khi Việt Nam vẫn ở trong tình trạng lạc hậu với nền kinh tế nông nghiệp, tự cung, tự cấp nếu không có đường lối cứu nước đúng đắn thì không thể giành được độc lập dân tộc.

Với tinh thần và ý chí quyết tâm bảo vệ độc lập dân tộc của mình, dù triều đình phong kiến từng bước đầu hàng, nhưng nhân dân Việt Nam vẫn quyết tâm đứng lên đánh đuổi thực dân, giành độc lập dân tộc. Bên cạnh các phong trào kháng Pháp theo lập trường phong kiến, một số sĩ phu yêu nước như Phan Bội

Châu, Phan Châu Trinh, nhờ tiếp thu tư tưởng tư sản từ bên ngoài dội vào, đã phát cao ngọn cờ giải phóng dân tộc theo khuynh hướng tư sản. Tuy nhiên, tất cả các phong trào đó đều đi tới thất bại, đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng về đường lối cứu nước, thời kỳ đen tối như không có đường ra. Lịch sử dân tộc đã đặt ra yêu cầu cấp thiết phải có con đường khác để giải phóng dân tộc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh sinh ra và lớn lên đúng trong thời điểm dân tộc đang trong cảnh lầm than, tận mắt chứng kiến nỗi thống khổ của người dân mất nước, sự thất bại của các phong trào yêu nước của các vị lãnh tụ tiền bối yêu nước. Đồng thời, cũng chính trong nỗi đau khổ, áp bức đó, Người nhận thức rõ khát khao tự do,

mong muốn độc lập và cá ý chí, tinh thần đấu tranh cho độc lập của dân tộc Việt Nam là rất lớn. Người cũng ấp ủ, khát khao chung cùng khát khao của cả dân tộc.

Trong bối cảnh đó, với sự thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga, giai cấp công nhân đã thực sự bước lên vũ đài chính trị, trở thành nhân vật trung tâm của thời đại, nắm lấy ngọn cờ dân tộc và trở thành “dân tộc”, là động lực chính của lịch sử. Trái lại, giai cấp phong kiến đã bộc lộ rõ những hạn chế và cả sự lạc hậu với thời đại, còn giai cấp tư sản cũng bộc lộ rõ bản chất bóc lột. Vậy lựa chọn con đường, theo hướng nào để tìm ra con đường cứu nước giải phóng cho dân tộc là câu hỏi

* Đại học Thái Nguyên

lớn đặt ra đối với thế hệ người Việt Nam, trong đó có Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Vượt lên tất cả sự hạn chế của lịch sử, với tư duy độc lập tự chủ sáng tạo, bản lĩnh của người dân mất nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định sang phương Tây, sang nước Pháp, với phương châm “muốn đánh Pháp thì phải hiểu Pháp”. Cuối năm 1923, Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc còn nhắc lại: “Khi độ tuổi mười ba, lần đầu tiên tôi được nghe ba chữ Pháp: Tự do, Bình đẳng, Bác ái... Và từ thuở ấy, tôi rất muốn làm quen với nền văn minh Pháp, muốn tìm hiểu xem những gì ẩn đằng sau những từ ấy”.

Theo Giáo sư Trần Văn Giàu, ý muốn đánh đuổi thực dân Pháp không phải chỉ là ý muốn của riêng Nguyễn Tất Thành còn trẻ mà là ý muốn của phần đông tuổi trẻ. Thanh niên hoặc nô nức đi Đông du (sang Nhật Bản), hoặc tham gia phong trào Đông kinh Nghĩa thực và Duy tân hội, chỉ có số ít hướng về Yên Thế. Điều đặc biệt của Nguyễn Tất Thành là có sự so sánh lựa chọn giữa ba con đường cứu nước với đại diện là ba nhân vật lớn: Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh và Hoàng Hoa Thám. Do đó, mặc dù rất khâm phục những người đi trước, nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh không hoàn toàn tán

đồng với con đường cứu nước của các vị tiền bối, bởi con đường cứu nước đó đã không phù hợp với xu thế của thời đại, và quan trọng hơn hết khát khao độc lập dân tộc của nhân dân Việt Nam vẫn chưa trở thành hiện thực.

Cũng theo Giáo sư Trần Văn Giàu, “tìm hiểu xem những gì ẩn đằng sau những từ ấy” có nghĩa là tìm hiểu các cuộc cách mạng cận đại của phương Tây, tìm hiểu lý do vì sao các nước phương Tây trở nên phú cường. Trở về giúp đồng bào mình có nghĩa là khi học được kinh nghiệm nước ngoài, thì trở về góp sức cùng đồng bào trong nước làm cho dân tộc cũng tự do, bình đẳng, bác ái như các nước châu Âu làm cách mạng. Tức là đi tìm con đường cứu nước, tìm giải pháp cho quê hương giải phóng khỏi ách nô lệ thực dân.

Trong hành trình tìm đường cứu nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh với một trái tim tràn đầy nhiệt huyết cứu nước, cứu dân, Người đã tích cực học tập, trau dồi kiến thức trên nhiều phương diện, nhanh chóng hòa nhập với dòng trí tuệ thời đại, quan sát thực tiễn. Từ những nhận thức rút ra được trong quá trình khảo nghiệm, so sánh thực tiễn cuộc sống phong phú, kinh nghiệm các cuộc cách mạng điển hình, các trào lưu tư tưởng trên thế giới đến

năm 1920, khi đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa* của V.I. Lê-nin đăng trên báo L'Humanité, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tìm lời giải đáp cho con đường cứu nước giải phóng dân tộc. Sau này, khi nói về cảm tưởng khi đọc Luận Cương, Người viết: “Luận cương của Lê-nin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao? Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước đồng đảng quần chúng: “Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta. Từ đó, tôi hoàn toàn tin theo Lê-nin, tin theo Quốc tế thứ ba”. Như vậy, cả một quá trình nỗ lực phấn đấu, suy nghĩ về vận mệnh dân tộc, rút ra kinh nghiệm, khảo sát trong nhiều năm tháng về con đường giải phóng dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tìm thấy ở chủ nghĩa Mác - Lê-nin học thuyết cách mạng và khoa học của thời đại, con đường cứu nước, giải phóng dân tộc, rút ra những vấn đề cần thiết, phù hợp với lịch sử, đất nước, con người Việt Nam.

Đến với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, bằng trí tuệ và bản lĩnh chính trị của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng bước đưa lý luận Mác - Lê-nin



vào trong nước, vào phong trào cách mạng Việt Nam, chuẩn bị về các mặt tư tưởng, chính trị, tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam trong bối cảnh đặc thù giữa vòng vây mật thám, thậm chí những quan điểm chỉ đạo không phù hợp thực tiễn của Quốc tế Cộng sản. Năm 1930, trong Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt do Người soạn thảo, được Hội nghị thành lập Đảng thông qua đã xác định con đường cách mạng Việt Nam: “Làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”. Đó chính là mục tiêu giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người.

Có thể thấy, bắt đầu từ khi người thanh niên Nguyễn Tất Thành ra nước ngoài tìm đường cứu nước, thì chính tinh thần dân tộc và lợi ích dân tộc Việt Nam là yếu tố chủ đạo trong tư tưởng cách mạng của Người bởi với một người dân mất nước thì lợi ích dân tộc cao nhất, đó chính là: độc lập - tự do. Trong quá trình bốn ba khắp năm châu bốn biển, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn luôn kiên định với mục tiêu dân tộc giải phóng là vấn đề đầu tiên, trước tiên của cách mạng. Có thể nói, chủ trương giải phóng dân tộc là một tư tưởng lớn của Hồ Chí Minh, tư tưởng vượt trước

thời đại, khẳng định sự nhảy bèn về mặt chính trị và bản lĩnh của người cộng sản vượt qua mọi rào cản giáo điều cứng nhắc.

Năm 1941, sau hơn 30 năm bôn ba nước ngoài tìm đường cứu nước giải phóng dân tộc, trở về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam, chủ trì Hội nghị Trung ương Tám (tháng 5-1941), vấn đề độc lập dân tộc lại được Chủ tịch Hồ Chí Minh luận giải một lần nữa. Người đã chỉ rõ: “Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được”. Hội nghị đã quyết định đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, coi đây là nhiệm vụ quan trọng nhất. Đặc biệt, sau khi Nhật vào Đông Dương và khi thời cơ giành độc lập đang đến gần, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Trong lúc này quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy” quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, của dân tộc”. Như vậy, phải có lập trường giai cấp vững chắc mới có được tư tưởng đó - tư tưởng dân tộc cao nhất trong tình thế “nước sôi, lửa bỏng” lúc bấy giờ, và

vi có lập trường giai cấp vững chắc nên mới thể hiện được tư tưởng dân tộc cao nhất. Thắng lợi của Cuộc cách mạng tháng Tám năm 1945 là kết quả của tính sáng tạo trong tư tưởng Hồ Chí Minh, của tầm nhìn đổi mới và phương pháp cách mạng của Người trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc ở một nước thuộc địa như Việt Nam.

Khi đất nước giành được chủ quyền, trong bản “*Tuyên ngôn độc lập*”, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trích dẫn Tuyên ngôn độc lập của Mỹ để khẳng định quyền “tất yếu, bất khả” của dân tộc mình: “Tất cả mọi người đều sinh ra bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được, trong những quyền ấy có quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”. Lời bất hủ ấy trong bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của nước Mỹ suy rộng ra câu ấy có ý nghĩa là: Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền được sung sướng, quyền được tự do. Từ đó, Người khẳng định một chân lý: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”. Đây

chính là giá trị cốt lõi, trực tuyến suốt chỉ phối toàn bộ cuộc đời cách mạng của Người.

Dân tộc đã giành độc lập, nhưng cách mạng lại đang trong tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”. Thù trong, giặc ngoài đã đưa cách mạng Việt Nam đứng trước tình thế cực kỳ hiểm nghèo, đã đặt ra những khó khăn lớn cho công cuộc bảo vệ thành quả cách mạng và giữ vững độc lập dân tộc. Trong những tháng năm đầu tiên của chính quyền cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”. Vừa là lãnh tụ tối cao của Đảng, của dân tộc, vừa là niềm tin và là ngọn cờ của khối đại đoàn kết dân tộc, Người xác định: “Vì yêu mến và tin cậy mà đồng bào giao vận mệnh nước nhà, dân tộc cho tôi gánh vác. Phận sự tôi như một người cầm lái, phải chèo chống thế nào để đưa chiếc thuyền Tổ quốc vượt khỏi cơn sóng gió, mà an toàn đi đến bến bờ hạnh phúc của nhân dân”. Với ý thức, và tinh thần trách nhiệm ấy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cùng Trung ương Đảng đưa ra quyết sách kịp thời, chính xác, thực hiện sách lược linh hoạt, mềm dẻo, lãnh

đạo nhân dân ta giữ vững độc lập dân tộc và chính quyền cách mạng, vững vàng bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Giữ vững lời thề thiêng liêng đó, trước âm mưu quyết tâm xâm lược Việt Nam một lần nữa của thực dân Pháp, trong *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thay mặt dân tộc Việt Nam thể hiện thái độ chính trị dứt khoát và kiên định: “Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta đã nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng thực dân Pháp càng lấn tới vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa. Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ. Hỡi đồng bào! Chúng ta phải đứng lên!”. Hieu dân và tin dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thay mặt toàn thể nhân dân Việt Nam khẳng định quyết tâm bảo vệ đến cùng nền độc lập dân tộc.

Kế thừa khát vọng độc lập tự do từ ngàn năm lịch sử, cuộc kháng chiến chống Mỹ của dân tộc Việt Nam cũng không nằm ngoài mục tiêu độc lập và thống nhất. Trước âm mưu thôn tính miền Nam, mở rộng cuộc chiến tranh phá hoại ra miền Bắc của Mỹ, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Chiến tranh có thể kéo dài 5

năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ... Không có gì quý hơn độc lập tự do”. Chân lý bất hủ của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trở thành sức mạnh tinh thần của dân tộc Việt Nam, thành nguồn cổ vũ mạnh mẽ cho các dân tộc khác trong cuộc đấu tranh giành độc lập.

Từ những bài viết đầu tiên đến những trang cuối cùng, đều thể hiện khát vọng độc lập dân tộc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ở *“Di chúc”* tác phẩm cuối cùng của Người cũng là: “Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới”.

Như vậy, với 1.500 trang chứa cụm từ “độc lập”, 96 trang chứa cụm từ “độc lập tự do” trong Hồ Chí Minh toàn tập, có thể nói, tư tưởng: “Không có gì quý hơn độc lập tự do” đã trở thành lẽ sống, là hạt nhân trong lý luận cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, là mục tiêu cao nhất mà Người đã hy sinh trọn cuộc đời mình, đồng thời là khát vọng chính đáng của toàn dân tộc, của thời đại, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay ■